

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN



Người ký: Tổng Công ty cổ
phần bảo hiểm Bưu điện
Email:
congbothongtin@pti.com.vn
Ký ngày: 29/10/2026 14:06:28

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,788,310,136,437	6,695,801,225,329
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	140,325,108,403	730,008,717,644
1	Tiền	111		140,325,108,403	730,008,717,644
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	3,416,837,620,354	2,991,970,968,201
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		49,362,394,801	104,655,027,001
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2a	3,367,475,225,553	2,887,315,941,200
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,299,674,762,876	1,073,604,331,431
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		838,334,416,777	691,887,788,410
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	IV.3	838,334,416,777	691,887,788,410
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2.	Trả trước cho người bán	132	IV.4	230,172,881,266	321,769,884,694
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		32,000,000,000	32,000,000,000
5.	Các khoản phải thu khác	136	IV.5	364,024,649,457	187,512,856,631
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.6	(164,857,184,624)	(159,566,198,304)
IV	Hàng tồn kho	140		2,703,848,620	903,503,869
1.	Hàng tồn kho	141	IV.7	2,703,848,620	903,503,869
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		413,544,036,231	280,547,077,214
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8a	404,366,261,986	271,284,960,811
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		251,630,256,285	209,513,399,497
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		152,736,005,701	61,771,561,314
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,734,351,192	4,878,693,208
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	3,443,423,053	4,383,423,195
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,515,224,759,953	1,618,766,626,970
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	IV.18	614,279,668,325	627,269,005,865
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	IV.18	900,945,091,628	991,497,621,105

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,195,766,361,235	1,742,837,440,988
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		20,562,951,987	19,919,692,054
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		20,562,951,987	19,919,692,054
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		12,562,951,987	11,919,692,054
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		391,809,173,986	404,503,679,755
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	IV.10	355,409,111,508	362,245,158,474
	Nguyên giá	222		527,007,247,541	518,836,350,531
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171,598,136,033)	(156,591,192,057)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	IV.11	36,400,062,478	42,258,521,281
	Nguyên giá	228		70,296,645,120	70,296,645,120
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33,896,582,642)	(28,038,123,839)
III	Bất động sản đầu tư	230	IV.12	30,502,845,644	31,348,738,274
	Nguyên giá	231		41,505,826,380	41,505,826,380
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11,002,980,736)	(10,157,088,106)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		49,763,958,407	59,737,400,990
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.13	49,763,958,407	59,737,400,990
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,562,000,081,938	1,196,609,820,066
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV.2b	18,324,114,240	17,381,133,546
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	IV.2c	(15,000,000,000)	(15,000,000,000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	IV.2a	1,528,546,567,698	1,164,099,286,520
VI	Tài sản dài hạn khác	260		141,127,349,273	30,718,109,849
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8b	141,109,907,964	30,700,668,540
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		17,441,309	17,441,309
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,984,076,497,672	8,438,638,666,317

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,137,940,343,562	5,777,800,151,420
I Nợ ngắn hạn		310		6,117,702,952,011	5,775,809,107,088
1. Phải trả cho người bán		311	IV.14	986,779,264,886	733,125,874,367
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		894,571,180,642	652,713,561,443
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		92,208,084,244	80,412,312,924
2. Người mua trả tiền trước		312	IV.15	66,673,002,707	14,375,779,210
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	36,807,402,683	57,912,887,460
4. Phải trả người lao động		314		57,694,342,341	200,521,382,109
5. Chi phí phải trả		315		193,996,641	3,432,843,351
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		90,126,066,532	118,103,532,270
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		163,606,899,954	153,577,342,804
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	162,750,960,925	117,939,627,315
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		369,000,000,000	288,000,000,000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		17,939,220,269	9,594,693,587
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	4,166,131,795,073	4,079,225,144,615
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	IV.18a	2,263,551,547,137	2,102,818,424,557
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		319.2	IV.18a	1,654,418,547,968	1,752,500,636,177
13.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		319.3	IV.18b	248,161,699,968	223,906,083,881
II Nợ dài hạn		330		20,237,391,551	1,991,044,332
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		18,261,347,219	15,000,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		1,976,044,332	1,976,044,332

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,846,136,154,110	2,660,838,514,897
	Vốn chủ sở hữu	410	2,846,136,154,110	2,660,838,514,897
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	425,978,852,804	425,978,852,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	28,642,118,155	28,642,118,155
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	94,459,326,499	94,459,326,499
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,086,987,903,809	901,740,212,361
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	890,973,557,037	624,347,794,040
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	196,014,346,772	277,392,418,321
12.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,146,662,843	4,096,715,078
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,984,076,497,672	8,438,638,666,317

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		160,579,057,181	110,858,015,198
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		291,794.11	300,855.09
Euro (EUR)		106,557.38	32,369.77
Bảng Anh (£)		1,847.02	1,851.97

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		2,500,239,913,718	2,413,928,220,068
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		3,308,318,181	49,523,518,427
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	194,019,779,958	194,641,839,102
4. Thu nhập khác	13		1,160,796,602	10,601,671,350
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2,329,486,311,445	2,160,906,648,413
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		121,079,545	38,330,160,079
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	21,205,247,264	89,637,446,329
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		3,206,248	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	101,675,324,081	96,382,308,493
9. Chi phí khác	24		2,156,903,990	6,560,156,407
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		942,980,694	11,205,655,277
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		245,023,716,580	288,084,184,503

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		49,009,369,808	57,000,000,000
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1,169,089,063)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		196,014,346,772	232,253,273,566
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		49,947,765	177,948,929
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		195,964,399,007	232,075,324,637
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	1,625	1,924

Người lập biểu

Đỗ Thị Chính

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý III.2026	Quý III.2025	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	957,600,897,475	935,616,014,825	3,109,952,096,739
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,022,998,690,859	831,597,417,481	3,238,742,720,722
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		11,716,207,240	17,921,266,016	31,942,498,597
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		77,114,000,624	(86,097,331,328)	160,733,122,580
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		286,111,192,655	266,857,887,901	858,112,951,103
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		330,277,675,054	237,144,634,078	845,123,613,563
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		44,166,482,399	(29,713,253,823)	(12,989,337,540)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		671,489,704,820	668,758,126,924	2,251,839,145,636
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		48,993,164,376	90,437,502,679	248,400,768,082
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		34,466,669,946	61,091,912,538	156,813,109,000
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		14,526,494,430	29,345,590,141	91,587,659,082
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		720,482,869,196	759,195,629,603	2,500,239,913,718
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-	-
6. Chi bồi thường	11		592,347,724,801	555,374,181,848	1,548,199,457,243
- Tổng chi bồi thường	11.1		625,155,784,182	564,660,316,795	1,589,770,539,985
- Các khoản giảm trừ (thu dôi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		32,808,059,381	9,286,134,947	41,571,082,742
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		165,095,541,668	261,665,071,311	475,454,376,174

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý III.2026	Quý III.2025	Năm trước
8.	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(185,107,865)	(97,425,155,105)	(266,358,886,711)
9.	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		47,545,389,088	(234,909,965,741)	(114,432,952,373)
10.	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		379,521,686,180	431,193,921,173	806,026,590,132
11.	Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		7,044,372,259	6,140,313,732	19,942,161,646
12.	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		292,286,306,825	266,499,432,990	1,334,937,896,635
	- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		62,871,621,710	93,303,993,955	307,925,239,951
	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		229,414,685,115	173,195,439,035	1,027,012,656,684
13.1	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18.1		678,852,365,264	703,833,667,895	2,160,906,648,413
13.2	Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	-	-
14.1	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19.1		41,630,503,932	55,361,961,708	253,021,571,655
14.2	Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	19.2		-	-	-
15.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,069,500,000	7,966,234,643	49,523,518,427
16.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21		40,359,848	5,887,029,040	38,330,160,079
17.	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		1,029,140,152	2,079,205,603	11,193,358,348
18.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	90,249,457,874	66,842,497,932	194,641,839,102
19.	Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	9,030,042,199	7,211,092,851	89,637,446,329
20.	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		81,219,415,675	59,631,405,081	105,004,392,773
21.	Chi phí bán hàng	26.1		-	-	-
21.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	V.4	44,767,947,921	35,858,842,196	96,382,308,493
22.	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		79,111,467,838	81,213,730,196	272,837,014,283



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III.2026	Quý III.2025	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
						Năm nay	Năm trước
23.	Thu nhập khác	31		323,583,388	5,297,571,122	1,160,796,602	10,601,671,350
24.	Chi phí khác	32		133,231,374	4,114,387,546	2,156,903,990	6,560,156,407
25.	Lợi nhuận khác (40-31-32)	40		190,352,014	1,183,183,576	(996,107,388)	4,041,514,943
25.	Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	41		129,546,057	10,515,565,502	942,980,694	11,205,655,277
26.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		79,431,009,909	92,912,479,274	245,023,716,580	288,084,184,503
27.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15,860,292,770	17,935,346,177	49,009,369,808	57,000,000,000
28.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	(1,169,089,063)
29.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		63,570,717,139	74,977,133,097	196,014,346,772	232,253,273,566
37.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		-	29,995,196	49,947,765	177,948,929
38.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		63,570,717,139	74,947,137,901	195,964,399,007	232,075,324,637
30.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	-	-	1,625	1,924

Người lập biểu

Đỗ Thị Chính

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026
Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		245,023,716,580	288,084,184,503
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21,711,295,409	(809,087,584)
- Các khoản dự phòng	03		195,739,503,795	(236,916,087,028)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154,449,286,873)	(119,908,084,955)
- Chi phí lãi vay	06		12,266,689,556	10,560,893,817
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		320,291,918,467	(58,988,181,247)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(242,974,163,433)	(124,123,564,532)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,800,344,751)	(1,765,579,866)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		178,406,869,747	46,693,520,095
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(243,490,540,599)	44,803,441,118
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		55,292,632,200	(44,858,740,000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12,218,433,392)	(9,737,896,557)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33,141,516,391)	(32,000,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8,344,526,682	9,563,938,386
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	7,754,348,082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28,710,948,530	(162,658,714,521)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(795,097,293)	(15,048,614,470)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	9,080,559,998
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,877,001,257,112)	(417,590,886,303)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,032,394,691,581	479,333,938,035
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20,152,200,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146,216,553,712	176,187,040,610
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(699,185,109,112)	252,114,237,870

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		369,000,000,000	513,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(288,000,000,000)	(439,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(209,448,659)	(74,795,749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		80,790,551,341	73,925,204,251
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(589,683,609,241)	163,380,727,600
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	730,008,717,644	30,380,550,719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	140,325,108,403	193,761,278,319

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	97.60%	97.60%	97.60%	97.60%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21.30%	21.30%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	23,928	23,928
Tiền gửi ngân hàng	140,325,084,475	730,008,693,716
Cộng	140,325,108,403	730,008,717,644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	49,362,394,801	49,362,394,801	104,655,027,001	104,655,027,001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,896,021,793,251	4,896,021,793,251	4,051,415,227,720	4,051,415,227,720
Ngắn hạn	3,367,475,225,553	3,367,475,225,553	2,887,315,941,200	2,887,315,941,200
Tiền gửi có kỳ hạn	3,367,475,225,553	3,367,475,225,553	2,573,769,787,215	2,573,769,787,215
Đầu tư trái phiếu	-	-	313,546,153,985	313,546,153,985
Dài hạn	1,528,546,567,698	1,528,546,567,698	1,164,099,286,520	1,164,099,286,520
Tiền gửi có kỳ hạn	409,584,383,562	409,584,383,562	414,903,835,616	414,903,835,616
Đầu tư trái phiếu	1,118,962,184,136	1,118,962,184,136	749,195,450,904	749,195,450,904
Cộng	4,945,384,188,052	4,945,384,188,052	4,156,070,254,721	4,156,070,254,721

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Kasati ⁽¹⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	17,381,133,546	942,980,694	-	-	18,324,114,240
Cộng	17,381,133,546	942,980,694	-	-	18,324,114,240

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	15,000,000,000

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	577,258,264,963	297,527,642,272
Phải thu về tái bảo hiểm	261,076,151,814	394,360,146,138
Cộng	838,334,416,777	691,887,788,410

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	182,261,995,903	292,090,929,376
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	19,628,454,670	5,221,465,217
Trả trước cho nhà cung cấp khác	28,282,430,693	24,457,490,101
Cộng	230,172,881,266	321,769,884,694

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	49,280,657,634	41,047,924,473
Tạm ứng	32,873,889,315	20,646,276,516
Các khoản phải thu khác	281,870,102,508	125,818,655,642
Cộng	364,024,649,457	187,512,856,631

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	159,566,198,304	137,572,957,047
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	5,290,986,320	21,993,241,257
Số cuối kỳ	164,857,184,624	159,566,198,304

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	527,754,785	672,487,030
Công cụ, dụng cụ	2,176,093,835	231,016,839
Cộng	2,703,848,620	903,503,869

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	251,630,256,285	209,513,399,497
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	106,519,648,405	50,542,562,038
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46,216,357,296	11,228,999,276
Cộng	404,366,261,986	271,284,960,811

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	209,513,399,497	242,815,443,918
Số phát sinh trong kỳ	314,186,283,783	381,287,265,961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(272,069,426,995)	(414,589,310,382)
Số dư cuối kỳ	251,630,256,285	209,513,399,497

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1,940,341,418	388,248,756
Chi phí thuê nhà	1,481,111,605	31,000,000
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	18,106,035,920	15,748,142,156
Các khoản chi phí khác	119,582,419,021	14,533,277,628
Cộng	141,109,907,964	30,700,668,540

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3,328,333,775	1,797,153,537
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	5,450,656	2,409,302,107
Thuế khác	109,638,622	176,967,551
Cộng	3,443,423,053	4,383,423,195

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	369,088,592,339	67,753,984,418	81,993,773,774	518,836,350,531
Tăng trong kỳ	-	-	795,097,293	795,097,293
Phân loại lại tài sản	6,657,777,777		718,021,940	7,375,799,717
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	375,746,370,116	67,753,984,418	83,506,893,007	527,007,247,541
Số đầu năm	54,690,354,657	45,369,526,223	56,531,311,177	156,591,192,057
Khấu hao trong kỳ	6,491,883,542	3,769,724,312	4,745,336,122	15,006,943,976
Phân loại lại tài sản	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	61,182,238,199	49,139,250,535	61,276,647,299	171,598,136,033
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314,398,237,682	22,384,458,195	25,462,462,597	362,245,158,474
Số cuối kỳ	314,564,131,917	18,614,733,883	22,230,245,708	355,409,111,508

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	28,038,123,839	28,038,123,839
Khấu hao trong kỳ	-	5,858,458,803	5,858,458,803
Số cuối kỳ	-	33,896,582,642	33,896,582,642
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27,564,441,158	14,694,080,123	42,258,521,281
Số cuối kỳ	27,564,441,158	8,835,621,320	36,400,062,478

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	41,505,826,380	41,505,826,380
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	41,505,826,380	41,505,826,380
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10,157,088,106	10,157,088,106
Khấu hao trong kỳ	-	845,892,630	845,892,630
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	11,002,980,736	11,002,980,736
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	31,348,738,274	31,348,738,274
Số cuối kỳ	-	30,502,845,644	30,502,845,644

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	35,544,534,310	-	-	35,544,534,310
XDCB dở dang	24,192,866,680	4,785,893,680	15,170,900,171	14,219,424,097
Cộng	59,737,400,990	4,785,893,680	15,170,900,171	49,763,958,407

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	275,961,776,852	225,774,938,872
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	587,411,715,052	400,720,854,266
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	31,197,688,738	26,217,768,305
Phải trả cho nhà cung cấp khác	92,208,084,244	80,412,312,924
Cộng	986,779,264,886	733,125,874,367

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	66,673,002,707	14,375,779,210
Cộng	66,673,002,707	14,375,779,210

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	19,584,594,625	32,966,911,948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15,815,325,270	18,466,270,273
Thuế thu nhập cá nhân	6,877,693	6,479,705,239
Thuế khác	1,400,605,095	-
Cộng	36,807,402,683	57,912,887,460

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	7,403,915,257	9,519,133,164
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,774,133,007	8,983,581,666
Thuế nhà thầu tạm giữ	171,562,732	-
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	1,675,530,270	10,016,848,651
Các khoản khác	144,725,819,659	89,420,063,834
Cộng	162,750,960,925	117,939,627,315

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,654,418,547,968	900,945,091,628	753,473,456,340	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1,567,860,447,022	869,861,556,293	697,998,890,729	1,677,984,286,101	957,259,150,955	720,725,135,146
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	86,558,100,946	31,083,535,335	55,474,565,611	74,516,350,076	34,238,470,150	40,277,879,926
Cộng	<u>2,263,551,547,137</u>	<u>614,279,668,325</u>	<u>1,649,271,878,812</u>	<u>2,102,818,424,557</u>	<u>627,269,005,865</u>	<u>1,475,549,418,692</u>
	<u>3,917,970,095,105</u>	<u>1,515,224,759,953</u>	<u>2,402,745,335,152</u>	<u>3,855,319,060,734</u>	<u>1,618,766,626,970</u>	<u>2,236,552,433,764</u>
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Số trích lập trong kỳ	(98,082,088,209)	(90,552,529,477)	(7,529,558,732)	(190,294,556,795)	(5,746,500,699)	(184,548,056,096)
Số dư cuối kỳ	<u>1,654,418,547,968</u>	<u>900,945,091,628</u>	<u>753,473,456,340</u>	<u>1,752,500,636,177</u>	<u>991,497,621,105</u>	<u>761,003,015,072</u>
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898
Số trích lập trong kỳ	160,733,122,580	(12,989,337,540)	173,722,460,120	(181,648,020,665)	(38,429,920,459)	(143,218,100,206)
Số dư cuối kỳ	<u>2,263,551,547,137</u>	<u>614,279,668,325</u>	<u>1,649,271,878,812</u>	<u>2,102,818,424,557</u>	<u>627,269,005,865</u>	<u>1,475,549,418,692</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	223,906,083,881	196,589,751,521
Số trích lập thêm trong kỳ	24,255,616,087	27,316,332,360
Số dư cuối kỳ	248,161,699,968	223,906,083,881

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	28,642,118,155	80,395,709,000	319,322,298,187	4,093,863,437	2,385,953,251,880
Cổ đông góp vốn	401,964,200,000	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	291,455,675,820	2,851,641	291,458,527,461
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	-	14,063,617,499	(14,063,617,499)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9,565,938,384)	-	(9,565,938,384,00)
Trích thường ban lãnh đạo	-	-	-	(6,377,292,257)	-	(6,377,292,257)
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	(145,540,057)	-	(145,540,057)
Số dư cuối năm trước	1,205,921,290,000	28,642,118,155	94,459,326,499	901,740,212,361	4,096,715,078	2,660,838,514,897
Số dư đầu năm nay	1,205,921,290,000	28,642,118,155	94,459,326,499	901,740,212,361	4,096,715,078	2,660,838,514,897
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	193,640,178,130	49,947,765	193,690,125,895
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8,392,486,682)	-	(8,392,486,682)
Trích thường ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	-
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,205,921,290,000	28,642,118,155	94,459,326,499	1,086,987,903,809	4,146,662,843	2,846,136,154,110

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120,592,129	120,592,129
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120,592,129	120,592,129

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	3,291,788,719,316	2,801,937,894,454
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(53,045,998,594)	(26,010,635,215)
Phí nhận tái bảo hiểm	31,942,498,597	67,091,709,998
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	-	-
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(160,733,122,580)	170,765,238,218
Doanh thu thuần	3,109,952,096,739	3,013,784,207,455

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	149,350,748,730	101,306,460,302
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3,026,767,556	1,382,954,359
Lãi kinh doanh trái phiếu, đầu tư khác	35,747,437,072	75,074,043,936
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,098,538,143	2,000,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	185,055,010	720,195,894
Các khoản khác	611,233,448	14,158,184,611
Cộng	194,019,779,958	194,641,839,102

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12,266,689,556	10,560,893,817
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,288,378,427	4,579,535,447
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2,034,823,496)	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	5,172,243,050	73,156,779,400
Chi phí tài chính khác	512,759,727	1,340,237,665
Cộng	21,205,247,264	89,637,446,329

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5,642,688,525	18,857,805,075
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	605,212,815	552,592,893
Chi phí dụng cụ quản lý	2,177,430,828	4,120,057,662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18,436,346,617	26,352,976,266
Thuế phí và lệ phí	30,358,544,256	779,716,043
Chi phí dự phòng	6,257,858,142	(773,279,489)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36,529,323,964	37,850,890,871
Chi phí khác bằng tiền	1,667,918,934	8,641,549,172
Cộng	101,675,324,081	96,382,308,493

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	195,964,399,007	232,075,324,637
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	195,964,399,007	232,075,324,637
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	120,592,129	120,592,129
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,625	1,924

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc

**Hoàng Thị Yến**